



**BSC WEEKLY REVIEW**  
**Tuần 43 (21/10-25/10/24)**

*Ảnh hưởng từ việc EVN tăng giá bán lẻ điện bình quân*

# MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Ảnh hưởng từ việc EVN tăng giá bán lẻ điện bình quân*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Xu hướng giảm co tích lũy trên SMA20 tại 1,282 điểm*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +5.46%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

## Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	18/10/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5864.67	0.4%	0.9%	4.4%	37.1%
EU (EURO STOXX 50)	4986.27	0.8%	-0.4%	3.1%	21.9%
Trung Quốc (SHCOMP)	3261.563	2.9%	1.4%	20.0%	8.5%
Nhật Bản (NIKKEI)	38981.75	0.2%	-1.6%	7.2%	24.0%
Hàn Quốc (KOSPI)	2593.82	-0.6%	-0.1%	0.7%	7.4%
Singapore (STI)	3640.19	0.4%	1.9%	1.3%	17.4%
Thái Lan (SET)	1489.82	-0.3%	1.3%	3.8%	4.7%
Phillipines (PCOMP)	7415.73	0.2%	1.4%	3.6%	19.2%
Malaysia (KLCI)	1645.99	0.3%	0.8%	-0.9%	14.1%
Indonesia (JCI)	7760.06	0.3%	3.2%	-0.9%	13.3%
Việt Nam (VNI)	1285.46	-0.1%	-0.2%	1.6%	18.2%
Việt Nam (HNX)	229.21	-0.4%	-0.9%	-1.6%	2.6%
Việt Nam (UPCOM)	92.7	0.0%	0.1%	-0.8%	9.1%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK THẾ GIỚI

**TTCK Hoa Kỳ duy trì xu hướng tăng điểm sau những phiên tăng giảm xen kẽ, Dow Jones tiếp tục lập kỷ lục**

Các dữ liệu kinh tế tích cực như doanh thu bán lẻ tháng 9 tăng 0.4%, tỷ lệ thất nghiệp cũng thấp hơn dự báo tiếp tục hỗ trợ thị trường tăng điểm trước mùa công bố KQKD quý III. Chỉ số Dow Jones lập kỷ lục mới vào 17/10 trong khi các chỉ số khác dao động quanh vùng đỉnh. Chỉ số hàng hoá tiếp tục giảm trong khi DXY và TP Hoa Kỳ duy trì đà tăng giá.

- TTCK Hoa Kỳ tăng bình quân 0.6%, EU600 +0.7%, Nikkei 225 -1.1%; TT Trung Quốc hồi phục nhẹ sau tuần điều chỉnh, chỉ số CSI +1%.

- Chỉ số hàng hóa giảm -3%; chủ yếu do giá năng lượng sau nhận định kém khả quan từ OPEC (dầu -6.2%, gas -10.8%); thép -4.1% trong khi kim loại quý tăng bình quân 1.7%.

- Chỉ số DXY +0.7% và TP Hoa Kỳ 10y tăng +0.01% trong tuần.

ECB tiếp tục cắt giảm 0.25% xuống còn 3.25% kỳ họp tháng 10, đánh dấu lần hạ lãi suất thứ 3 trong năm 2024. Đây là lần đầu ECB giảm lãi suất trong 2 kỳ họp liên tiếp kể từ tháng 12/2022 dù vậy quyết định này không bất ngờ khi kinh tế tăng trưởng thấp và lạm phát giảm xuống 1.8% so với mục tiêu 2% của ECB trong 3 năm. ECB cũng hạ dự báo tăng trưởng EU xuống còn 0.8%. Kinh tế Châu Âu kém khả quan trong khi Hoa Kỳ và Trung Quốc vẫn đang lạc quan hơn so dự báo. GDP quý III Trung Quốc tăng 4.6%, vượt dự báo 0.1% từ Reuters và GDP của nền kinh tế thứ 2 thế giới có cơ hội cải thiện khi hàng loạt biện pháp kích cầu được đưa ra trong tháng 10.

Lãi suất 1 và 5 năm Trung Quốc; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ NHTW Canada; Cuộc họp IMF; PMI Anh, EU và Hoa Kỳ; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ và kỳ họp Quốc hội Việt Nam khóa 8 từ 21/10 – 30/11 là thông tin chú ý trong tuần tới.

## Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	18/10/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,721.5	1.1%	2.4%	6.4%	37.8%
Bạc	USD/ozt	33.7	6.4%	6.9%	12.1%	46.3%
Thép HRC	USD/T.	705.0	0.0%	0.0%	0.3%	0.1%
Nhôm	USD/MT	2,591.0	2.4%	-0.9%	1.8%	19.5%
Niken	USD/MT	16,733.4	-0.7%	-5.0%	4.1%	-8.8%
Quặng sắt	CNY/MT	770.0	0.0%	0.1%	11.0%	-16.3%
Dầu Brent	USD/bbl.	73.1	-1.9%	-7.6%	-0.8%	-20.9%
Dầu WTI	USD/bbl.	69.2	-2.1%	-8.4%	-2.4%	-22.5%
Xăng	USD/gal.	200.2	-2.2%	-7.0%	-0.4%	-15.2%
Than đá	USD/MT	145.4	-0.2%	-0.9%	4.6%	6.5%
Đậu tương	USD/bu.	970.0	-1.9%	-3.5%	-4.3%	-26.3%
Cao su	JPY/kg	425.0	0.8%	2.5%	12.1%	12.3%
Đường	USD/MT	566.6	0.2%	-0.5%	2.0%	-23.2%

Nguồn: Bloomberg

### TTCK VIỆT NAM

**VN-Index vẫn đang giảm co tích lũy, chờ cơ hội bứt phá**

VN-Index giảm co và giảm nhẹ 0.2% với thanh khoản tăng nhẹ 2% so tuần trước. Các cổ phiếu Ngân hàng vẫn giữ vai trò điều tiết và nâng đỡ xu hướng dù vậy nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa mạnh kim hãm chỉ số.

- BID, VCB, STB chiếm 5 vị trí đứng đầu và đóng góp 4.3 điểm cho VN-Index. Ở chiều ngược lại, FPT, GAS, PLX níu chân chỉ số.

- Mức độ phân hóa mạnh hơn khi KQKD bắt đầu công bố với 8/18 ngành tăng điểm. Ngành BĐS phục hồi sau chuỗi phiên ảm đạm trong khi Dầu khí giảm 4.6% trước áp lực giảm của dầu và Công nghệ giảm 3.1%.

- Khối ngoại tiếp tục bán ròng 80 triệu USD so với mức bán ròng 12 triệu USD tuần trước.

Thị trường vẫn đang diễn biến giảm co phân hóa theo KQKD quý III công bố, NĐT tận dụng nhịp biến động ngắn hạn, để giao dịch ngắn hạn mua theo tin đồn và bán khi có tin chính thức theo KQKD công bố.

Tính đến 18/10, 3 sàn đã có 129 công ty công bố KQKD quý III với mức tăng trưởng 13.2%. Thị trường có 56% số công ty có lợi nhuận tăng trưởng dương trong khi 19% số công ty thua lỗ. Nhóm đóng góp tăng trưởng lợi nhuận tuyệt đối gồm DBC, VPH, BMP trong khi HND, APG, FTS giảm mạnh lợi nhuận so cùng kỳ. Hoạt động công bố KQKD sẽ được đẩy mạnh trong 2 tuần tới.

Kỳ họp Quốc hội khóa XV khai mạc vào 21/10, kéo dài trong 28.5 ngày. Ngoài các nội dung về kinh tế xã hội, ngân sách, Quốc hội sẽ thông qua 15 luật, trong đó có những nội dung chú ý về Luật chứng khoán, Luật đầu tư công, luật đấu thầu,...

## CHUYÊN MỤC TUẦN: Ảnh hưởng từ việc EVN tăng giá bán lẻ điện bình quân

Ngày 11/10/2024, EVN đã công bố tăng giá bán lẻ điện bình quân. Trong chuyên đề tuần này, BSC đưa ra một số đánh giá về ảnh hưởng của việc tăng giá điện, kính mời quý nhà đầu tư theo dõi.

### 1. Giá điện giai đoạn 2009 – 2023

#### 1.1. Cơ chế điều chỉnh giá điện bình quân

Ngày 26/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg: Quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân thay thế cho Quyết định 24/2017/QĐ-TTg. Một số thay đổi đáng chú ý trong quyết định mới được trình bày ở Bảng 1.

**Bảng 1: So sánh một số thay đổi đáng chú ý về quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân mới**

	Quyết định 24/2017/QĐ-TTg	Quyết định 05/2024/QĐ-TTg
Nguyên tắc điều chỉnh giá điện	Hàng năm, sau khi kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện của EVN, giá bán điện bình quân được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và dịch vụ phụ trợ hệ thống điện) so với thông số được sử dụng để xác định giá bán điện bình quân hiện hành.	Hàng năm, sau khi kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện năm <b>N-2</b> của EVN, giá bán điện bình quân năm <b>N</b> được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và điều hành - quản lý ngành) và việc phân bổ các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.
	Trong năm, giá bán điện bình quân được xem xét điều chỉnh khi thông số đầu vào cơ bản <b>trong khâu phát điện</b> biến động so với thông số đã được sử dụng để xác định giá bán điện bình quân hiện hành.	Trong năm, giá bán điện bình quân được xem xét điều chỉnh trên cơ sở cập nhật <b>chi phí khâu phát điện, chi phí mua điện</b> từ các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ theo thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện và các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.
	Thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là <b>06 tháng</b> kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.	Thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là <b>03 tháng</b> kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.
Cơ chế điều chỉnh giá điện	Giá bán điện bình quân sau khi tính toán lại thấp hơn so với giá bán điện bình quân hiện hành -> EVN điều chỉnh giảm giá bán điện bình quân ở mức tương ứng.	Giá bán điện bình quân sau khi tính toán lại thấp hơn <b>từ 1% trở lên</b> so với giá bán điện bình quân hiện hành -> EVN điều chỉnh giảm giá bán điện bình quân ở mức tương ứng.
	Giá bán điện bình quân sau khi tính toán lại cao hơn so với giá bán điện bình quân hiện hành từ 3% đến dưới 5% -> EVN điều chỉnh tăng giá bán điện bình quân ở mức tương ứng.	
	Giá bán điện bình quân sau khi tính toán lại cao hơn so với giá bán điện bình quân hiện hành từ 5% đến dưới 10% -> EVN báo cáo và được Bộ Công Thương chấp thuận -> EVN điều chỉnh tăng giá bán điện bình quân ở mức tương ứng.	
	Giá bán điện bình quân sau khi tính toán lại cao hơn so với giá bán điện bình quân hiện hành từ 10% trở lên hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô -> EVN được phép điều chỉnh sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý.	
Khung giá bán lẻ điện (EVN chỉ được điều chỉnh giá bán lẻ điện trong khung này)	1,606.19 - 1,906.42 đồng/kWh (EVN được điều chỉnh giá bán lẻ điện ngoài khung giá sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý).	1,826.22 - 2,444.09 đồng/kWh (EVN không được điều chỉnh giá bán lẻ điện ngoài khung giá).

Nguồn: BSC Research tổng hợp



## CHUYÊN MỤC TUẦN: Ảnh hưởng từ việc EVN tăng giá bán lẻ điện bình quân

Trong giai đoạn 2009 – 2024, giá bán lẻ điện bình quân đã được điều chỉnh tăng 13 lần.

Trong giai đoạn **2015 - 2019**, các đợt điều chỉnh giá điện cho thấy sự ổn định hơn. **Giá điện trung bình được điều chỉnh 2 năm/lần, với mức tăng trung bình 7.31%/lần.**

Giai đoạn **2019 – 2022, giá điện được giữ nguyên** để hỗ trợ nền kinh tế do các yếu tố trong và ngoài nước không thuận lợi: **(1)** Đại dịch Covid-19 nổ ra năm 2020; **(2)** Xung đột giữa Nga – Ukraine nổ ra đầu năm 2022 khiến cho giá năng lượng tăng vọt, kéo theo lạm phát toàn cầu tăng lên. Năm 2022, do biến động giá nhiên liệu (than, dầu, khí) thế giới làm cho chi phí sản xuất điện tăng cao, kéo theo chi phí mua điện của EVN tăng mạnh (giá vốn hàng bán năm 2022 +16.64% YoY), dẫn đến lợi nhuận gộp của EVN năm giảm -72.35% YoY. Sau cùng, EVN lỗ -20,747 tỷ đồng.

Vì vậy trong năm **2023**, sau bốn năm không thay đổi, **giá điện đã được điều chỉnh tăng hai lần vào tháng 5 và tháng 11/2023 với tổng mức tăng của hai lần là 7.64%.**

Năm **2024**, Bộ Công thương đã tiến hành kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện năm 2023 của EVN. Giá thành sản xuất kinh doanh điện năm 2023 là 2,088.90 đ/kWh (+2.79% YoY) trong khi giá bán lẻ điện hiện hành lúc đó là 2,006.79 đ/kWh. Kết quả, hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2023 của EVN lỗ -34.244,96 tỷ đồng. Tổng cộng hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2023 và các hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh điện năm 2023 của EVN (thu nhập từ hoạt động tài chính và từ tiền bán công suất phản kháng) lỗ -21.821,56 tỷ đồng (không tính tới thu nhập từ sản xuất khác). Vì vậy, **ngày 11/10/2024, giá điện đã được điều chỉnh tăng +4.8%**. Các cơ sở để EVN điều chỉnh giá điện:

- **Cơ sở chính trị.** Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết này yêu cầu: “áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng” và “xóa bỏ mọi rào cản để bảo đảm giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định”.

- **Cơ sở pháp lý.** Thực hiện theo Quyết định số 5/2024/QĐ-TTg ngày 26/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, trong năm, giá bán điện bình quân được xem xét điều chỉnh trên cơ sở cập nhật chi phí khấu phát điện, chi phí mua điện và thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là 3 tháng kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.

- **Cơ sở thực tiễn.** **(1)** Giá các loại nhiên liệu than, khí năm 2023 dù đã giảm so với 2022 nhưng vẫn ở mức cao so với giai đoạn các năm 2020-2021; **(2)** Tỷ giá USD/VND trải qua một đợt tăng dốc trong năm 2023; **(3)** Nguồn cung điện hạn chế khi nhu cầu tăng mà không có nhiều công trình nguồn điện mới giá rẻ đi vào vận hành và hiện tượng El Nino trong năm 2023 dẫn tới tình hình thủy văn không thuận lợi, EVN phải mua điện bổ sung từ các nguồn có giá thành sản xuất cao hơn như các nguồn nhiệt điện sử dụng than nhập khẩu và nhiệt điện dầu.

Năm **2025**, BSC dự báo EVN có thể tăng giá bán lẻ điện bình quân **4 – 8%** trên cơ sở **(1)** giá bán lẻ điện bình quân hiện hành vẫn thấp hơn giá thành sản xuất điện năm 2023 (2,088.90 đ/kWh); **(2)** Trong năm 2024, áp lực tỷ giá thậm chí còn lớn hơn nhiều so với năm 2023, gây áp lực cho chi phí đầu vào của EVN. USD/VND đã trải qua một đợt tăng dốc từ cuối năm 2023 đến giữa tháng 7/2024 (mức đỉnh: 25,7470, +4.95% YTD). Hiện tại, tuy tỷ giá đã hạ nhiệt nhưng vẫn đang ở mức cao; **(3)** Nguồn cung điện giá rẻ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: Ảnh hưởng từ việc EVN tăng giá bán lẻ điện bình quân

Đồ thị 1: Các lần điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân



Nguồn: BSC tổng hợp

Bảng 2: Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá điện đến các ngành

Nhóm ngành ảnh hưởng	% Chi phí điện/COGS	Mức độ ảnh hưởng	Nhận xét
<b>Nhóm ngành sản xuất</b>			
Thép	Lò cao: 2%	Nhẹ	Giá điện tăng, không ảnh hưởng nhiều đến các doanh nghiệp thép tại Việt Nam do các doanh nghiệp tại VN chủ yếu sử dụng lò cao để sản xuất
Xi măng	12%-15%	Mạnh	Giá điện tăng, ảnh hưởng mạnh đến các doanh nghiệp xi măng, đặc biệt trong bối cảnh sức mua yếu, các doanh nghiệp xi măng khó có thể chuyển chi phí điện sang giá bán
Nhựa	2-3%	Nhẹ	Giá điện tăng, không ảnh hưởng nhiều đến các doanh nghiệp nhựa
Phân bón	3 - 10%	Nhẹ	Giá điện bình quân tăng +4.8% làm tăng chi phí sản xuất các doanh nghiệp phân bón từ 0.14% - 0.48%
Hóa chất	25% - 35%	Mạnh	Giá điện bình quân tăng +4.8% làm tăng chi phí sản xuất các doanh nghiệp hoá chất từ 1.2% - 1.68%
<b>Nhóm Điện</b>	-	-	Các doanh nghiệp phát điện được hưởng lợi gián tiếp. EVN cải thiện tình hình tài chính và trả bớt các khoản nợ tiền điện.

## 2. Ảnh hưởng của giá điện

### 2.1. Ảnh hưởng của Giá điện đến CPI

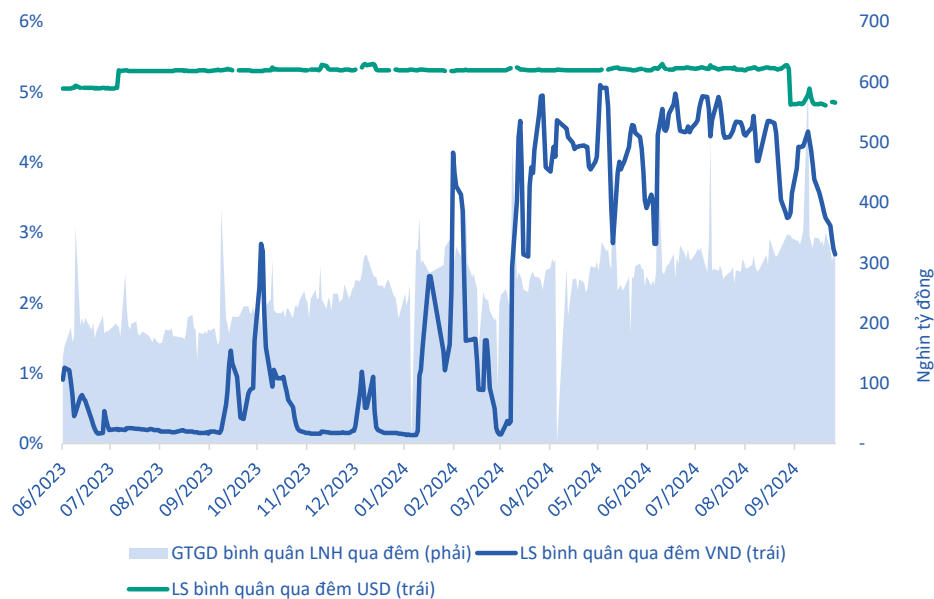
- **Tác động vòng một:** Với quyền số giá điện sinh hoạt trong rổ CPI là 3.31%, giá điện tăng **+4.8%** làm CPI tăng **+0.16%**.
- **Tác động vòng hai:** Giá điện tăng tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất cũng như sinh hoạt trong toàn nền kinh tế, do đó sẽ kéo theo mặt bằng giá cả hàng hóa chung tăng lên, làm tăng tốc độ lạm phát. Tuy nhiên, tác động vòng hai sẽ có độ trễ.
- Mức tăng này sẽ không ảnh hưởng quá lớn đến lạm phát năm 2024 do giá điện được điều chỉnh lần gần nhất khi sắp hết năm (ngày 11/10/2024). BSC điều chỉnh dự báo lạm phát trung bình năm 2024 ở mức **3.86 – 4.5% YoY** và nghiêng về kịch bản tích cực hơn.

### 2.2. Ảnh hưởng của giá điện đến các ngành

(Chi tiết tại Bảng 2)

# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

### Giao dịch trên thị trường mở (OMOs)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Số dư bill
Tuần 34	72,925.6	74,197.2	1,271.6	(94,299.9)
Tuần 35	38,447.7	58,111.9	19,664.2	(74,635.6)
Tuần 36	10,573.2	45,664.8	35,091.6	(39,544.0)
Tuần 37	46,403.8	8,833.5	(37,570.4)	(77,114.4)
Tuần 38	8,833.5	1,511.6	(7,321.9)	(84,436.3)
Tuần 39	1,511.6	67,359.2	65,847.6	(18,588.7)
Tuần 40	67,359.2	10,791.5	(56,567.7)	(75,156.4)
Tuần 41	10,791.5		(10,791.5)	(85,947.9)
Tuần 42	12,300.0		(12,300.0)	(98,247.9)

Nguồn: SBV, BSC Research

### Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	2.87%	3.07%	3.37%	4.06%
So với tuần trước	-0.53%	-0.41%	-0.44%	-0.26%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	311,453.0	15,902.0	6,286.0	5,620.3
So với tuần trước	-7.63%	-32.47%	+16.27%	+5.19%

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/10/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

### Nhận xét:

- Trong tuần 42, SBV đã phát hành 12,300.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 00.0 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -12,300.0 tỷ đồng qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng đang trên đà giảm dần.

## PTKT: Xu hướng giằng co tích lũy trên SMA20 tại 1,282 điểm

**Đồ thị ngày:** Diễn biến giằng co tiếp tục diễn ra trong quá trình kiểm tra đỉnh của năm. VN-Index thêm một lần nữa giảm dưới SMA20 trước khi bật tăng trở lại. Dải bollinger band đi ngang trong khi các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức trung bình cho thấy thị trường sẽ chưa sớm thoát khỏi vùng tích lũy.

### Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm nhẹ 59 xuống 55 điểm.
- MACD chạm nhẹ đường tín hiệu dưới lên và duy trì trên mức 0. Thanh khoản tăng 2% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, 50, 100 và 200.

**Kết luận:** VN-Index vẫn đang tích lũy trong mô hình ascending triangle với ngưỡng cản trên là 1,300 điểm và kênh giá hỗ trợ dưới tăng dần. Vùng 1,265 – 1,270 điểm đang đóng vai trò là vùng hỗ trợ của chỉ số khi hội tụ các đường SMA 50, SMA 100, đường kênh giá và vùng giao dịch có khối lượng giao dịch lớn. Thị trường đang phân hóa theo KQKD quý III, trạng thái giằng co nhiều khả năng sẽ tiếp tục diễn ra trong tuần tới khi động lực đột phá xu hướng chưa rõ ràng.





## VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
VHM	3.78	1.75
BID	1.82	1.25
VCB	0.98	1.23
STB	5.18	0.80
MWG	1.86	0.43
GVR	0.99	0.34
VIB	2.09	0.29
MBB	0.78	0.26
MSB	2.76	0.22
TPB	1.71	0.19
<b>Tổng</b>		<b>6.76</b>

### Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
FPT	-1.86	-0.93
GAS	-2.05	-0.86
PLX	-5.26	-0.73
SSB	-5.11	-0.62
HPG	-1.28	-0.55
GMD	-6.51	-0.38
VJC	-2.20	-0.32
KDH	-3.79	-0.31
LPB	-1.52	-0.31
VPB	-0.72	-0.29
<b>Tổng</b>		<b>-5.29</b>

### Khối ngoại mua ròng

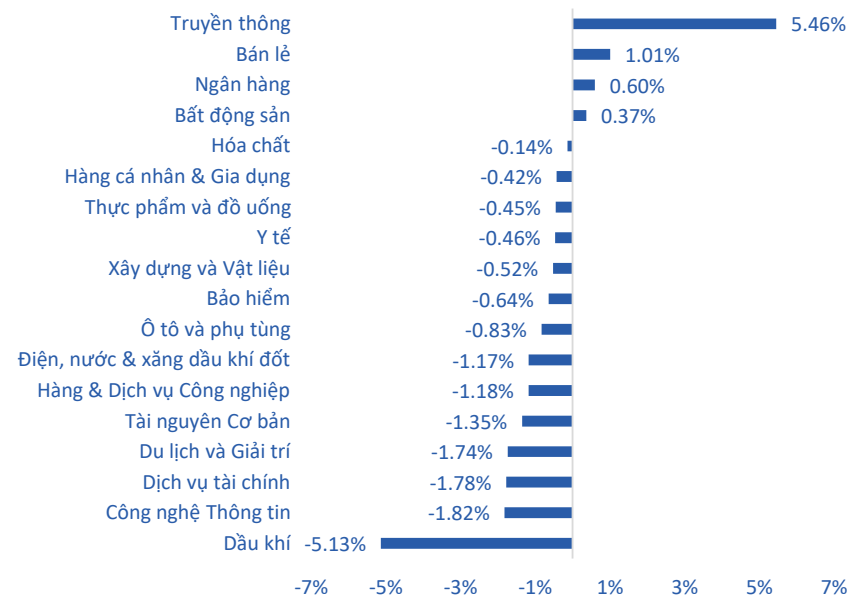
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
STB	215.98
MSN	178.09
NTL	92.27
ACV	65.29
TCB	57.88
YEG	56.92
TPB	54.93
MWG	48.27
DGC	33.44
BMP	33.23
<b>Tổng</b>	<b>836.31</b>

### Khối ngoại bán ròng

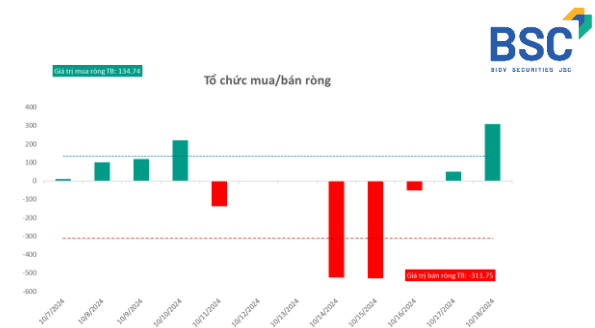
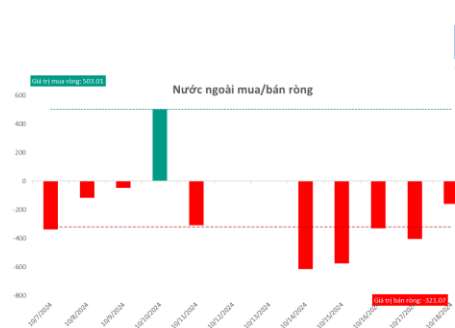
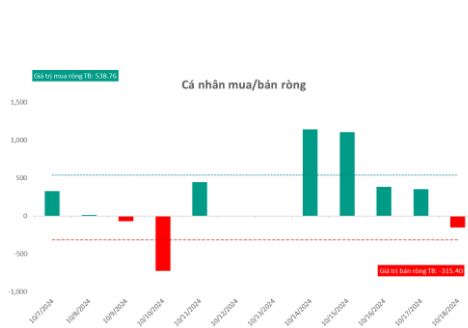
Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-365.77
HDB	-220.27
MSB	-167.44
KDC	-155.18
DBC	-150.36
VNM	-125.71
FU ESSVFL	-124.66
NLG	-118.72
HCM	-111.41
GMD	-85.15
<b>Tổng</b>	<b>-1624.68</b>

### Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Truyền thông	<b>4.21%</b>	<b>5.46%</b>	<b>9.59%</b>
Bán lẻ	<b>-0.32%</b>	<b>1.01%</b>	<b>-2.95%</b>
Ngân hàng	<b>0.06%</b>	<b>0.60%</b>	<b>4.95%</b>
Bất động sản	<b>0.00%</b>	<b>0.37%</b>	<b>-0.85%</b>
Hóa chất	<b>-0.39%</b>	<b>-0.14%</b>	<b>0.04%</b>



# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân							
Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		Mã	Top mua ròng		Top bán ròng	
	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng		Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Mã		Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị		Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã
VPB	15,184,600	320.56	VIB	7,344,705	(141.85)	STB	6,423,891	215.98	FPT	2,650,235	(365.77)	FPT	3,911,383	538.91	EIB	28,834,347	(551.49)		
EIB	14,163,994	282.10	FPT	973,604	(133.66)	MSN	2,212,778	178.09	HDB	8,206,866	(220.27)	HDB	9,967,177	267.93	VPB	14,527,184	(306.97)		
BWE	5,406,400	239.15	TCB	3,588,773	(87.69)	NTL	4,247,300	92.27	MSB	13,088,022	(167.44)	VIB	12,915,410	250.49	MSN	1,759,916	(141.67)		
STB	4,900,743	168.77	MWG	837,010	(53.04)	TCB	2,360,994	57.88	KDC	3,067,254	(155.18)	VIX	20,991,978	244.32	HPG	3,024,150	(82.54)		
FUESSVFL	5,550,670	121.87	ACB	1,562,706	(40.43)	YEG	6,042,100	56.92	DBC	5,047,867	(150.36)	MWG	3,519,822	223.24	STB	2,226,159	(80.92)		
KDH	2,314,525	78.94	MBB	1,511,604	(39.51)	TPB	3,137,987	54.93	VNM	1,868,436	(125.71)	TCB	7,793,489	189.34	NTL	3,255,020	(71.14)		
EVF	6,759,731	77.80	HDB	1,374,101	(37.28)	MWG	715,866	48.27	FUESSVFL	5,684,200	(124.66)	NLG	4,557,360	176.93	HAH	1,526,171	(65.31)		
VNM	858,036	57.98	CTG	1,008,400	(36.59)	DGC	292,843	33.44	NLG	3,072,025	(118.72)	MSB	13,640,304	174.69	TCH	3,378,323	(54.54)		
BAF	2,500,000	56.50	NTL	1,595,180	(34.35)	BMP	262,400	33.23	HCM	3,637,822	(111.41)	KDC	3,062,851	154.96	EVF	4,339,169	(49.82)		
HAH	1,033,946	44.29	VCB	338,056	(30.99)	HSG	969,045	19.99	GMD	1,145,253	(85.15)	VNM	2,106,347	141.59	SHF	1,499,937	(49.80)		

## DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.4	0.2%	0.6	20,666	4.3	5,962	15.5	0.0	23.4%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	50.3	0.0%	1.10	11,474	6.8	4006	12.6	-	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	20.6	-1.7%	1.00	6,524	20.1	1461	14.1	-	24.8%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	24.4	0.4%	1.30	6,893	15.1	3047	8.0	-	21.9%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	25.8	-0.6%	1.00	5,468	19.0	4018	6.4	26,600	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	35.6	2.7%	1.30	2,682	46.8	4340	8.2	-	23.7%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	36.2	-0.8%	1.30	7,790	10.2	3782	9.6	-	296.5%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	26.1	-0.2%	0.80	4,665	12.0	3676	7.1	-	30.0%	<a href="#">Link</a>
SSI	Chứng khoán	27.4	-0.4%	1.40	2,147	13.0	1882	14.5	-	33.1%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN	55.9	0.4%	1.10	738	2.3	5573	10.0	65,700	23.9%	<a href="#">Link</a>
HPG	VLXD	27	-1.1%	1.10	6,898	17.5	1746	15.4	41,500	22.3%	<a href="#">Link</a>
HSG	VLXD	20.6	-1.0%	1.60	512	4.3	1844	11.2	25,300	11.0%	<a href="#">Link</a>
VHM	BĐS	45	0.3%	1.00	7,885	16.2	5350	8.5	108,300	13.8%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	32.8	-1.6%	1.20	1,313	2.4	765	42.9	44,500	34.5%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	38.9	0.0%	1.20	599	3.9	1102	35.3	-	49.7%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	114	-0.5%	1.50	1,732	3.8	7898	14.4	115,000	18.1%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	37	0.0%	1.30	783	2.5	2828	13.1	38,700	7.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	71.7	0.3%	0.60	6,722	0.9	4760	15.1	-	0.9%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	39	-1.3%	0.90	746	2.9	1932	20.2	57,000	21.7%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	26.2	-1.1%	1.30	584	2.3	1155	22.7	38,400	13.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	12.5	-0.4%	0.60	1,171	1.7	463	27.0	17,100	3.8%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	73.2	0.7%	1.40	658	1.8	3234	22.6	108,500	29.2%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	71.8	-1.8%	0.90	892	3.6	4054	17.7	90,400	48.6%	<a href="#">Link</a>
VNM	Bán lẻ	67.4	-0.3%	0.60	5,637	4.3	4633	14.5	93,100	51.8%	<a href="#">Link</a>
MSN	Bán lẻ	80.4	-0.7%	1.30	4,868	16.4	466	172.4	110,000	26.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	65.7	-0.2%	1.20	3,844	16.2	1507	43.6	-	46.9%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	94.9	-0.2%	1.00	1,283	1.7	6132	15.5	118,000	48.5%	<a href="#">Link</a>
DGW	Bán lẻ	45.4	-1.3%	1.80	395	1.7	2236	20.3	66,600	24.7%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	137	0.0%	1.10	8,065	11.9	4890	28.0	107,900	46.0%	<a href="#">Link</a>
CTR	Công nghệ	132	-0.6%	1.40	604	1.7	4590	28.8	-	9.5%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	27.0	1.5%	0.9	3,147	9.1	4,137	6.5	1.6	18.1%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.5	0.8%	1.1	2,325	23.4	3,048	6.4	1.3	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	17.8	-0.6%	1.2	1,882	21.0	2,154	8.3	1.1	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	13.0	-1.1%	1.1	1,358	13.3	2,366	5.5	0.8	29.1%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.4	3.5%	0.7	1,450	21.2	1,273	15.3	1.4	2.6%	9.9%
HCM	Chứng khoán	30.4	-0.5%	1.6	877	13.6	1,397	21.8	2.0	45.6%	10.6%
VCI	Chứng khoán	36.1	-1.6%	1.6	830	12.6	1,763	20.5	1.8	19.5%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.8	-0.3%	1.5	905	4.6	1,591	9.3	1.3	12.4%	15.0%
BSI	Chứng khoán	51.2	-0.8%	1.7	457	1.3	2,165	23.7	2.1	40.1%	9.3%
SHS	Chứng khoán	15.3	-0.6%	1.7	498	2.0	1,338	11.4	1.1	7.0%	10.5%
CTD	Xây dựng	63.4	0.5%	1.4	254	1.0	3,098	20.5	0.7	46.6%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.9	-0.8%	1.7	206	1.6	869	13.7	0.6	8.0%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.8	-0.5%	1.6	83	0.4	766	14.1	0.8	2.1%	5.7%
SZC	BĐS KCN	39.0	3.6%	1.1	281	5.9	1,572	24.8	2.3	3.0%	12.1%
SIP	BĐS KCN	73.2	0.1%	1.4	617	0.3	5,931	12.3	3.4	2.5%	29.0%
PHR	BĐS KCN	57.9	0.0%	1.0	314	0.2	3,028	19.1	2.1	18.2%	12.1%
DIG	BĐS	20.4	-3.1%	1.7	498	4.2	151	135.1	1.6	5.1%	1.1%
CEO	BĐS	15.1	-1.9%	1.7	326	1.7	318	47.4	1.3	5.0%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.7	0.0%	1.5	851	4.8	300	92.4	1.2	20.3%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.8	0.0%	1.3	767	1.4	1,776	24.1	2.4	3.8%	8.2%
GVR	BĐS KCN	35.8	-0.4%	1.4	5,738	6.5	693	51.7	2.8	0.5%	6.5%
NKG	VLXD	20.9	-1.4%	1.6	220	2.8	1,580	13.2	1.0	9.4%	7.4%
BMP	VLXD	128.4	-1.2%	1.3	421	1.3	12,420	10.3	3.6	83.8%	34.6%
IJC	BĐS	13.6	-0.7%	1.4	206	0.7	683	19.9	1.0	4.9%	6.0%
DXG	BĐS	16.0	-0.3%	1.5	463	9.4	249	64.5	1.1	18.5%	1.9%
VRE	BĐS	18.8	0.0%	1.4	1,705	3.8	1,975	9.5	1.1	21.6%	11.9%
PDR	BĐS	20.9	-0.7%	1.8	730	5.8	500	41.8	1.7	7.0%	5.0%
DIG	BĐS	20.4	-3.1%	1.7	498	4.2	151	135.1	1.6	5.1%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.3	-0.6%	1.1	582	0.4	64	256.9	1.7	1.6%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.6	0.0%	1.20	-	0.1	503	17.1	0.8	0.0%	4.8%

## DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	36.2	-0.1%	1.9	160	1.2	4,748	7.6	1.1	1.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	36.4	-0.7%	1.1	117	0.1	3,067	11.9	1.6	39.1%	13.3%
DRC	Cao su	29.2	-1.0%	0.8	139	0.6	2,509	11.6	1.9	10.1%	16.5%
PC1	Tiện ích	27.6	0.4%	1.3	343	1.0	1,203	22.9	1.6	13.4%	6.1%
HDG	Tiện ích	27.5	-1.6%	1.3	370	2.1	1,958	14.0	1.5	14.6%	11.8%
GEX	Tiện ích	20.5	0.5%	1.5	705	3.3	1,245	16.5	1.3	7.1%	7.0%
QTP	Tiện ích	13.9	0.0%	0.6	-	0.1	1,357	10.2	1.1	1.0%	11.2%
PLX	Dầu khí	42.4	0.2%	0.8	2,153	1.4	2,879	14.7	2.1	17.8%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.5	-0.9%	1.0	-	2.9	2,408	9.3	1.2	0.0%	13.4%
PLC	Dầu khí	23.6	0.0%	1.5	76	0.0	734	32.2	1.6	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	33.3	0.3%	1.6	177	1.1	114	292.9	1.6	0.7%	1.2%
PTB	VLXD	61.3	-0.5%	1.0	164	0.2	4,899	12.5	1.5	24.3%	11.9%
VSC	Logistics	17.2	-0.3%	1.3	198	0.8	713	24.2	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	42.2	-1.6%	1.3	205	3.7	2,800	15.1	1.8	9.9%	10.6%
VTP	Logistics	86.6	1.3%	1.7	422	3.9	2,893	29.9	6.6	7.2%	22.8%
DBC	Bán lẻ	29.5	0.5%	1.5	395	4.9	1,604	18.4	1.5	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	177.3	-0.4%	0.8	967	2.1	(414)	-427.9	14.5	37.5%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.5	0.0%	0.6	-	0.8	6,678	7.4	2.0	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	24.9	-0.4%	1.3	122	1.0	2,254	11.0	1.6	16.7%	14.7%
PVT	Logistics	28.0	-0.7%	1.1	398	1.3	2,805	10.0	1.4	13.3%	14.2%
DPM	Phân bón	34.4	-0.3%	1.3	539	2.0	1,703	20.2	1.1	8.0%	5.5%
REE	Tiện ích	64.8	-0.2%	1.1	1,221	0.7	3,804	17.0	1.7	49.0%	10.0%

*Nguồn: BSC Research*

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.



# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

## **Đối với Khách hàng tổ chức Đối với Khách hàng cá nhân**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC Trung tâm tư vấn i-Center  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)      [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(024) 39264 659      (024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (\*)

Ngày sinh (\*)

CMTND/CCCD (\*)

Ngày cấp (\*)

Nơi cấp (\*)

Số điện thoại (\*)

Email (\*)

Địa chỉ liên hệ (\*)

Tỉnh/Thành phố (\*)

Quận/Huyện (\*)

Phường/Xã (\*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)




Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký